

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829708] - PLC nâng cao
(CCQ2305C)

CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	<i>Cương</i>	7.2	6.5	6.8
2	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	<i>Dũng</i>	6.9	8.5	7.9
3	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	CCQ2305C	<i>Hải</i>	6.7	7.0	6.9
4	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	<i>Hiếu</i>	8.2	8.5	8.4
5	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	<i>Hiếu</i>	9.2	9.5	9.4
6	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	<i>Hiếu</i>	8.4	8.0	8.2
7	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	<i>Hòa</i>	6.5	9.0	8.0
8	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	<i>Huân</i>	5.3	5.0	5.1
9	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	CCQ2305C	<i>Hùng</i>	7.3	7.5	7.4
10	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	<i>Khoa</i>	8.3	8.0	8.1
11	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	<i>Lễ</i>	7.5	8.5	8.1
12	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C	<i>Luận</i>	7.1	5.5	6.1
13	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	<i>Lực</i>	8.9	8.8	8.8
14	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	<i>Nhật</i>	7.4	3.5	5.1
15	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	<i>Ninh</i>	5.2	5.0	5.1
16	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	<i>Phúc</i>	5.0	5.0	5.0
17	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	<i>Phúc</i>	7.3	7.5	7.4
18	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	CCQ2305C				
19	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	<i>Quân</i>	9.4	9.5	9.5
20	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	<i>Quang</i>	8.6	7.0	7.6
21	2123050107	Phạm Huỳnh	Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	<i>Quốc</i>	8.9	9.0	9.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829710] - PLC nâng cao
(CCQ2305E)

CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyền (280036)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C				
2	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	chương	6.9	7.0	7.0
3	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	Đông	6.3	7.0	6.7
4	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	Đ	6.5	4.0	5.0
5	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	Đức	8.6	7.0	7.6
6	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E	Đ	7.6	9.0	8.4
7	2123050202	Mai Nhựt	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	mai	7.1	7.0	7.0
8	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	Phu	7.4	6.5	6.9
9	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	Đ	7.9	9.0	8.6
10	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	Đ	6.7	7.5	7.2
11	2123050227	Báo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E	Đ	6.6	4.0	5.0
12	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	CCQ2205A	Quo	5.5	4.8	5.1
13	2123050090	Đỗ Nhật	Tân	19/04/2005	CCQ2305C	Đ	6.2	6.0	6.1
14	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	Đ	8.8	8.0	8.3
15	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C	THành	9.1	7.0	7.8
16	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E				
17	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	Đ	7.5	9.0	8.4
18	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	Toàn	7.5	5.8	6.5
19	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	Đ	8.0	7.0	7.4
20	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	Tu	9.9	9.5	9.7
21	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	Trang	9.2	9.5	9.4
22	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	Đ	8.2	9.5	9.0